

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THU
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27-6-2018

V/v tranh chấp về ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THU - TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thu Hiền.

2. Bà Vũ Thị Thanh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thu, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thu, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thu, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2018/QĐXX-ST ngày 31 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19/6/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1981

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình.

* Người làm chứng:

Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1954 (Bố đẻ anh Nguyễn Văn S)

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(chị C, ông T có mặt, anh S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*/ Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/4/2018, bản tự khai; tài liệu, chứng cứ đã xuất trình và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký tại UBND xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 9/10/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống với nhau tại gia đình anh S tại thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình. Trong thời gian chung sống với nhau cuộc sống vợ chồng chị không hạnh phúc bởi chồng chị là người thần kinh không bình thường do ảnh hưởng của di chứng chất độc màu da cam, chị với anh Sinh không thể tìm được tiếng nói chung nên chị và anh S đã xảy ra mâu thuẫn. Vào tháng 6/2011, sau 7 tháng sống chung thì chị xin về nhà mẹ đẻ ở, từ đó đến nay chị và anh Sinh đã sống ly thân. Sau khi xảy ra mâu thuẫn, gia đình hai bên có hòa giải nhưng chị và anh S vẫn không thể đoàn tụ được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị không thể chung sống cùng anh S được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S.

Về con chung: Vợ chồng chị không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản: Vợ chồng chị không có tài sản chung, không cho ai vay tài sản gì và không vay ai tài sản gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*/ Tại Biên bản làm việc ngày 10/5/2018 và tại phiên tòa người làm chứng là ông Nguyễn Thanh T (là bố đẻ của anh Nguyễn văn S) trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn đúng như chị C đã trình bày. Sau khi chị C và anh S kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình ông ở thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng chung sống được khoảng 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh S bị ảnh hưởng chất độc màu da cam nên việc nhận thức hơi chậm. Anh chị chung sống với nhau nhưng không có hạnh phúc. Chị C đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình từ tháng 6 năm 2011 đến nay. Gia đình ông có khuyên giải để hai vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nhưng không được. Anh S hiện nay đang ở cùng với gia đình ông, anh S nhận thức hơi chậm nhưng khi gia đình ông nói thì anh S vẫn nhận biết được. Anh S không bị tâm thần và cũng chưa bao giờ phải điều trị tâm thần. Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho anh S. Ông T đã nhận thay anh S, sau mỗi lần nhận ông T đều nói lại cho anh S biết. Anh S đã biết việc chị C xin ly hôn anh nhưng anh không đến Tòa án làm việc. Anh S cũng đồng ý ly hôn với chị C vì xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có. Đến nay vợ chồng anh chị có chung sống với nhau thì cũng không có hạnh phúc vì vậy, ông T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn nhau. Về con chung và về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng không có.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình có quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn không có mặt để làm việc trực tiếp tại Tòa án. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147, 227, 228; 235 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị xử cho chị C được ly hôn anh S. Về con chung không đặt ra giải quyết. Về quan hệ tài sản: Do không có ý kiến của anh Sinh về phần tài sản nên tách ra giải quyết sau khi có yêu cầu. Chị C phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị C có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn S; anh Nguyễn Văn S cư trú tại xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Cn và anh S là hôn nhân hợp pháp. Do anh S bị ảnh hưởng chất độc da cam dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống với nhau, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Vợ chồng chỉ có thời gian ngắn chung sống cùng nhau và đã chấm dứt hôn nhân trên thực tế từ rất lâu. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh S không đến Tòa án làm việc và cũng không có ý kiến gì xin đoàn tụ. Tòa nhận thấy mâu thuẫn giữa chị C và anh S là có thật, vợ chồng không thể đoàn tụ cùng nhau được nữa nên cần căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị C và anh S được ly hôn.

[4] Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị C, anh S không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về quan hệ tài sản: Do không có ý kiến của anh S về phần tài sản nên tách ra giải quyết sau khi có yêu cầu.

[6] Về án phí: Chị C phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 147; Điều 227; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 12, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

2. Về quan hệ con chung:

Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn S không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản: Tách ra giải quyết sau khi có yêu cầu.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị C đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0002937 ngày 04/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình sang thành án phí.

Chị Nguyễn Thị C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Văn S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vũ Thư;
- Các đương sự;
- UBND xã Nguyên Xá, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.
- Chi cục THA Dân sự huyện Vũ Thư;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương